

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1386/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3317/BC-HĐTĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 7193/CV-HĐTĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023, Công văn số 8572/UBND-TH ngày 26 tháng 10 năm 2023, Công văn số 9106/UBND-TH ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Cà Mau có tọa độ địa lý khoảng từ 8⁰30' đến 9⁰34' vĩ độ Bắc, 104⁰32' đến 105⁰24' kinh độ Đông và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch, kế hoạch liên quan. Bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định và phát triển.

b) Phát huy hợp lý, hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, cơ hội nổi trội, riêng biệt, lợi thế về biển, đảo làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau nhanh, bền vững và toàn diện, đưa Cà Mau sớm trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển, trung tâm năng lượng tái tạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng đến phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với các động lực tăng trưởng, trọng tâm là phát triển kinh tế biển, du lịch, các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế.

c) Cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút có hiệu quả các dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp; sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn vốn đầu tư khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

d) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, lấy giá trị văn hóa, con người Cà Mau làm nền tảng phát triển bền vững; coi trọng đào tạo nguồn nhân lực, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai có hiệu quả 3 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn, giảm nghèo bền vững; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản, văn hóa, lịch sử; phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần, vật chất cho người dân.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Cà Mau trở thành tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; có nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển; hệ sinh thái được bảo tồn, thích

ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 7,5%/năm. Quy mô GRDP năm 2030 gấp 2 - 2,5 lần so với năm 2020.

+ Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm khoảng 23%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 36,5%; dịch vụ chiếm khoảng 37%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 3,5%.

+ GRDP bình quân đầu người đạt trên 146 triệu đồng.

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 bình quân đạt khoảng 30 - 35% GRDP.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội giai đoạn 2021 - 2030 bình quân trên 7%/năm.

+ Thu ngân sách giai đoạn 2021 - 2030 bình quân tăng 12 - 15%/năm.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 36%.

+ Kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65%, trong đó tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

+ Số giường bệnh đạt 35 - 40 giường/vạn dân và 18 bác sỹ/vạn dân.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 0,5%/năm (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn).

+ Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới 90%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 50% (trong tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới); tỷ lệ số huyện đạt chuẩn nông thôn mới 70%.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt trên 27% (trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 18,5%).

+ Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 70%. Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý đạt 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

+ Có 70% tổng lượng nước thải đô thị thành phố Cà Mau, 40% - 50% nước thải các đô thị Sông Đốc, Năm Căn và khoảng 20% nước thải ở các đô thị còn lại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường.

+ Tỷ lệ nước thải từ các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%. Trên 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng giao thông. Các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V đồng bằng, 100% đường huyện được cứng hóa, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI đồng bằng.

Cơ bản hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hoàn chỉnh các tuyến vận tải đường thủy kết nối. Phát triển hệ thống cảng biển đồng bộ, toàn diện, hiện đại. Nâng cấp cảng hàng không Cà Mau phù hợp với định hướng phát triển của ngành giao thông vận tải.

+ Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ cho khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch và các khu chức năng quan trọng khác.

+ Hạ tầng thông tin và truyền thông cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định và thịnh vượng; đổi mới căn bản và toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, bắt kịp các xu hướng phát triển kinh tế số, xã hội số trong một môi trường số an toàn, rộng khắp.

+ Phát triển kết cấu hạ tầng mạng lưới cấp điện bảo đảm sự phát triển cân đối, hài hòa, tính đồng bộ giữa phát triển nguồn và lưới điện. Phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng phù hợp với phát triển lưới điện, nguồn điện phục vụ xuất khẩu điện.

+ Chủ động kiểm soát nguồn nước, bảo đảm cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Kiểm soát mặn và các loại hình thiên tai khác (sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn). Nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, bảo đảm thích ứng với các tác động của thiên tai.

+ Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn hiện đại, chất thải rắn được phân loại tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng công nghệ tiên tiến và phù hợp.

- Về quốc phòng, an ninh:

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, chủ quyền biển, hải đảo; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Cà Mau là tỉnh kinh tế phát triển, xã hội văn minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; các giá trị văn hóa mang bản sắc của con người Cà Mau được giữ gìn và phát huy. Môi trường sinh thái, đa dạng sinh học được bảo vệ, bảo tồn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số phát triển đồng bộ, hiện đại. Chính trị, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Chủ động đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực phát triển kinh tế biển, trọng tâm là đầu tư Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn, Đề án xuất khẩu điện tỉnh Cà Mau (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt), năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, du lịch, hạ tầng phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chuyển đổi số toàn diện.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Phát triển ngư, nông, lâm nghiệp

Phát triển ngư, nông, lâm nghiệp hiện đại, thông minh, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nông nghiệp sinh thái hữu cơ. Thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn; xây dựng và vận hành trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản góp phần đẩy mạnh sản xuất, chế biến, phát triển chuỗi giá trị về thủy sản.

Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển ngư, nông, lâm nghiệp theo 03 vùng: vùng Bắc Cà Mau, vùng Nam Cà Mau, vùng ven biển và hải đảo. Trong đó, giữ gìn và bảo vệ hệ sinh thái ngọt ở huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh.

b) Phát triển kinh tế biển

Xây dựng và phát triển tỉnh Cà Mau trở thành một trung tâm kinh tế biển của cả nước; đầu tư xây dựng Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm

Căn, Cảng sông Ông Đốc gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị ven biển; phát triển nuôi biển công nghệ cao, hiệu quả và bền vững; ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm biển.

Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; phát triển và quản lý bền vững kinh tế biển theo phương thức tổng hợp, quản trị biển dựa vào không gian, liên ngành với sự tham gia của các cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

c) Phát triển du lịch

Phát triển du lịch bền vững theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; liên kết và hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong vùng, cả nước và quốc tế. Phát huy lợi thế vị trí địa lý là tỉnh Địa đầu cực Nam của Tổ quốc; xây dựng, định vị và nâng cao thương hiệu du lịch Cà Mau “Địa đầu cực Nam - Khám phá - Môi trường - Kết nối”, trong đó Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau trở thành một trong những trung tâm du lịch sinh thái, trải nghiệm rừng ngập mặn đặc sắc, điểm đến quan trọng trên các tuyến du lịch của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

d) Phát triển công nghiệp

Xây dựng Cà Mau trở thành trung tâm chế biến thủy sản và trung tâm năng lượng tái tạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước.

Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, đặc biệt thu hút đầu tư phát triển ngành công nghiệp sản xuất khí Hydrogen (H_2), Amoniac (NH_3) tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp.

Phát triển công nghiệp hóa chất phù hợp với điều kiện của tỉnh như: phân bón, khí công nghiệp, hóa chất cơ bản.

đ) Phát triển dịch vụ

Phát triển các ngành dịch vụ, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; hình thành các dịch vụ của trung tâm đầu mối, trung tâm logistics, các loại hình dịch vụ phục vụ cho sản

xuất, khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và xuất nhập khẩu.

Xây dựng ngành dịch vụ thương mại kết hợp truyền thống và hiện đại; phát triển các mô hình tổ chức thương mại theo từng thị trường, ngành hàng thích ứng với trình độ sản xuất, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng địa phương. Ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại điện tử; bảo đảm cung ứng đầy đủ vật tư, thiết bị, các dịch vụ cho sản xuất và tiêu dùng, ổn định thị trường hàng hóa trong tỉnh.

Mở rộng thị trường xuất khẩu các mặt hàng có tiềm năng, lợi thế phát triển, hướng tới xuất khẩu các mặt hàng chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao; đa dạng hóa thị trường và phương thức xuất, nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu hàng hóa xuất, nhập khẩu của tỉnh.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo

Phát triển giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, có trọng tâm, trọng điểm; giáo dục phổ thông là nền tảng, đào tạo nhân lực chất lượng cao là khâu đột phá.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; đa dạng hóa các loại hình giáo dục và đào tạo nhằm tăng nguồn lực, mở rộng quy mô, tăng cơ hội giáo dục cho mọi người; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

Đẩy mạnh tự chủ và xã hội hóa giáo dục; phân bổ, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa, phát huy những thành quả của mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, chất lượng cuộc sống và nguồn nhân lực.

Xây dựng hệ thống y tế hoàn chỉnh, đồng bộ, từng bước hiện đại từ cấp tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, chất lượng, hiệu quả; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng, y tế chuyên sâu đồng bộ và cân đối với y tế cộng đồng; gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

c) Văn hóa, thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh; huy động mọi nguồn lực phát triển văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực, khát vọng phát triển Cà Mau thịnh vượng; chủ động hợp tác, quảng bá hình ảnh và các giá trị văn hóa truyền thống, đặc sắc, tiêu biểu của vùng đất Cà Mau, góp phần quan trọng vào phát triển du lịch và kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các khu vực, các đối tượng chính sách và yếu tố trong xã hội; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các giá trị văn hóa phi vật thể độc đáo; đào tạo nguồn nhân lực đồng bộ, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa; đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, trang thiết bị phù hợp, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa.

Phát triển thể dục - thể thao bảo đảm hài hòa giữa các đối tượng, phù hợp với từng địa phương trong tỉnh; giữa phát triển thể dục - thể thao quần chúng với thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, thể thao giải trí đáp ứng nhu cầu hoạt động nâng cao sức khỏe, tinh thần của nhân dân, đóng góp cho sự phát triển của tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, thị trường kinh tế thể thao thông qua các hoạt động du lịch - thể thao - giải trí tạo điều kiện thu hút đầu tư và khách du lịch.

d) Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm, đột phá và chuyển đổi số.

Mở rộng, đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phát triển đô thị thông minh.

đ) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao, trong đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, năng lực sáng tạo, cạnh tranh và thích ứng với thị trường lao động.

Thực hiện hiệu quả các chính sách, giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm, ưu tiên hỗ trợ việc làm, tạo sinh kế, đào tạo nghề cho thanh niên lập nghiệp, lao động thuộc các xã vùng khó khăn, đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững. Triển khai hiệu quả các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao

động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực; đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

e) Quốc phòng - an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; xây dựng khu vực phòng thủ tinh gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; giữ vững chủ quyền an ninh biển đảo; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mở rộng quan hệ hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) 03 vùng kinh tế và 05 cực tăng trưởng

- Vùng phát triển dịch vụ - đô thị - công nghiệp trung tâm (với cực tăng trưởng là thành phố Cà Mau): Là vùng có đô thị trung tâm của tỉnh; trung tâm hành chính, kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế của tỉnh; đầu mối phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho toàn tỉnh.

- Vùng phát triển đô thị - công nghiệp - kinh tế ngư, nông, lâm nghiệp ven biển Tây (với cực tăng trưởng là đô thị Sông Đốc): Là vùng nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá; vùng nông nghiệp ngọt - lợi luân phiên; vùng lâm nghiệp phát triển theo mô hình bền vững gắn với bảo tồn Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

- Vùng phát triển công nghiệp - đô thị - kinh tế ngư, nông, lâm nghiệp ven biển Đông (với các cực tăng trưởng là đô thị Năm Căn - Khu kinh tế Năm Căn, đô thị Tân Thuận và đô thị Đất Mũi - Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai): Là đầu mối lưu thông hàng hóa đường biển, dịch vụ logistics thông qua cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn; vùng nuôi trồng thủy sản, rừng sản xuất; vùng trọng điểm phát triển du lịch của tỉnh.

b) 02 hành lang kinh tế và các trục liên kết phát triển

Hình thành và phát triển 02 hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam và hướng Đông - Tây dựa trên các tuyến giao thông đường bộ cao tốc, đường bộ trục ngang, đường ven biển, kết nối cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với các đô thị, các trục liên kết phát

triển và các cực tăng trưởng; kết nối với hành lang ven biển phía Nam của Tiểu vùng Mê Công mở rộng (Hành lang kinh tế Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau) góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam (thành phố Cà Mau - Cái Nước - Năm Căn - Đất Mũi): Là hành lang kinh tế động lực, quan trọng đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội, dựa trên liên kết các khu vực phát triển của tỉnh gồm: Thành phố Cà Mau, huyện Cái Nước, Khu kinh tế Năm Căn, Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau và kết nối cảng biển tổng hợp Hòn Khoai; là cơ sở phát triển mạng lưới giao thông kết nối phát triển hệ thống đô thị và các khu chức năng chính; là trục phát triển theo tuyến cao tốc Cần Thơ - thành phố Cà Mau - Năm Căn - Đất Mũi.

- Hành lang kinh tế Đông - Tây (Tân Thuận - Sông Đốc): Là hành lang kinh tế kết nối khu vực phía Đông và phía Tây của tỉnh thông qua tuyến đường trục Đông - Tây từ Tân Thuận kết nối với Sông Đốc, tạo động lực đầu tư kết cấu hạ tầng gắn kết thúc đẩy phát triển các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm du lịch, dịch vụ logistics, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế từ biển; phát triển các khu đô thị, điểm dân cư ven biển, hình thành chuỗi đô thị ven biển.

- Các trục liên kết phát triển, bao gồm: Trục quốc lộ 1, trục kinh tế - đô thị quốc lộ 63, trục kinh tế - đô thị biển, ven biển phía Nam kết nối thành phố Cà Mau với thành phố Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang) và các trục kinh tế biển, ven biển khác.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

Phát triển và phân bố hợp lý hệ thống đô thị bền vững, có kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh; hình thành chuỗi đô thị động lực, chuỗi đô thị ven biển kết nối với hệ thống đô thị của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng

xã hội đồng bộ, hiện đại. Khi có đủ điều kiện theo quy định, phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Cà Mau có 29 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt 36%.

Định hướng phát triển một số đô thị trọng tâm như sau:

- Xây dựng thành phố Cà Mau trở thành trung tâm tổng hợp, chuyên ngành phát triển tương xứng với chức năng đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

- Thành lập thị xã Sông Đốc (đô thị loại III) là đô thị kinh tế biển và là đô thị động lực của tiểu vùng ven biển phía Tây, sinh thái và hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ kinh tế biển.

- Thành lập thị xã Năm Căn (đô thị loại III) là đô thị động lực của tiểu vùng ven biển phía Đông, mang bản sắc đặc thù sông nước và hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn kết phát triển với Khu kinh tế Năm Căn và là điểm dừng chân của trục thành phố Cà Mau - Đất Mũi trong các hoạt động kinh tế và du lịch.

- Thành lập thị trấn Tân Thuận (huyện Đầm Dơi) là đô thị loại IV, chuyên ngành về năng lượng, công nghiệp, thủy sản và logistics.

- Phát triển thị trấn Rạch Gốc (huyện Ngọc Hiển) là đô thị loại IV, trung tâm hành chính, kinh tế của huyện Ngọc Hiển, phát triển thương mại dịch vụ, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh. Ưu tiên sắp xếp các hộ dân ở khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai nguy hiểm, vùng đặc biệt khó khăn.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu kinh tế

Phát triển Khu kinh tế Năm Căn định hướng là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực; đầu mối giao thương hàng hải quốc tế của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc tế; động lực phát triển kinh tế của tiểu vùng phía Nam; trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái đặc trưng rừng ngập mặn; trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nuôi trồng, chế biến thủy sản của vùng, khu kinh tế ven biển, có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Phát triển khu công nghiệp theo mô hình “khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ” gắn với phát triển đô thị, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; phát triển, mở rộng các khu công nghiệp đã thành lập; thu hút đầu tư, xây dựng mới thêm một số khu công nghiệp khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu công nghiệp bảo đảm đủ điều kiện, đạt tiêu chuẩn theo quy định, thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đã thành lập.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

3. Phương án phát triển hệ thống cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp xung quanh các hành lang kinh tế, các vị trí kết nối giao thông thuận lợi, bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật, các dịch vụ phục vụ người lao động. Tập trung thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp theo hướng chọn lọc, có công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, đồng thời kết hợp xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng bên ngoài hàng rào cụm công nghiệp có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

4. Phương án phát triển khu du lịch

Đầu tư xây dựng, phát triển Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau gắn với bảo tồn đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, di sản văn hóa, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Phát triển du lịch theo 03 không gian du lịch gồm: Không gian du lịch phía Bắc (gồm thành phố Cà Mau, huyện Thới Bình và huyện U Minh); không gian du lịch theo trục Đông - Tây (gồm huyện Trần Văn Thời, huyện Cái Nước và huyện Đầm Dơi); không gian du lịch phía Nam (gồm huyện Phú Tân, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển).

5. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học các khu bảo tồn, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ và các khu vực cần được bảo quản, tu bổ.

Bảo quản, tu bổ, phục hồi và giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích đã được xếp hạng quốc gia, cấp tỉnh. Tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; tôn tạo, tu bổ và phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử, cách mạng, danh lam thắng cảnh.

6. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển ngư, nông, lâm nghiệp theo 3 vùng: vùng Bắc Cà Mau, vùng Nam Cà Mau và vùng ven biển và hải đảo.

Phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu, đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, hướng tới sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hình thành vùng nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp chế biến nông sản.

7. Phương án phát triển khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các chính sách khác có liên quan. Ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực phát triển.

8. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực

Các khu vực có vai trò động lực được xác định là các đô thị, Khu kinh tế Năm Căn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, dịch vụ thương mại, du lịch, các khu chức năng, thu hút các nguồn lực phát triển kinh tế tạo lan tỏa, tác động đến sản xuất của khu vực lân cận.

9. Phương án phát triển khu quân sự, khu an ninh

Các khu quân sự, an ninh bảo đảm tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Khu vực phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn: Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Hệ thống đường quốc gia trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng tuyến đường cao tốc từ thành phố Cà Mau đến Đất Mũi (khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- Hệ thống đường tỉnh: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 21 tuyến đường tỉnh quy mô tối thiểu đường cấp V - IV (trong đó có tuyến đường ven biển), gồm: 06 tuyến đường tỉnh giữ nguyên chiều dài tuyến, 09 tuyến đường tỉnh điều chỉnh chiều dài tuyến; nâng cấp 01 tuyến đường huyện lên đường tỉnh; quy hoạch mới 05 tuyến đường tỉnh.

- Hệ thống bến xe: Đầu tư xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp các bến xe hiện hữu đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách.

(Chi tiết tại Phụ lục V, VI)

b) Đường thủy nội địa

- Hệ thống đường thủy quốc gia trên địa bàn tỉnh: Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Các hành lang vận tải thủy quốc gia đi qua địa bàn tỉnh gồm 04 tuyến trực hiện hữu.

- Hệ thống đường thủy do tỉnh quản lý: Quy hoạch các luồng tuyến nhánh được hình thành trên cơ sở các tuyến sông, kênh do trung ương quản lý và các tuyến sông, kênh do tỉnh quản lý. Hệ thống đường thủy nội địa do tỉnh quản lý gồm 14 tuyến với quy mô cấp V trở lên.

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống cảng, bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân.

(Chi tiết tại Phụ lục VI, VII)

c) Cảng hàng không

Nâng cấp cảng hàng không Cà Mau đạt cấp 4C.

d) Cảng biển

Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cảng biển Cà Mau là cảng

biên phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; trong đó ưu tiên thu hút đầu tư bên cạnh Hòn Khoai.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, tiêu chí, luận chứng tại Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII).

a) Nguồn điện

- Ưu tiên phát triển hợp lý nguồn điện tại các vị trí có tiềm năng khi được cấp thẩm quyền chấp thuận; thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn, điện sinh khối không gây phát thải khí nhà kính, điện khí và các nguồn năng lượng mới, hướng tới xuất khẩu điện.

- Khuyến khích phát triển hệ thống điện mặt trời với hình thức tự sản, tự tiêu.

b) Đường dây và Trạm biến áp

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm, tuyến đường dây, công trình điện lực 500kV, 220kV, 110kV khi được cấp thẩm quyền chấp thuận để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng công suất cho các dự án năng lượng tái tạo, sản xuất hóa chất, xuất khẩu điện và sinh hoạt.

- Đầu tư xây dựng các lộ ra cho các trạm 110kV, tăng cường tiết diện và liên kết mạch vòng các tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110 kV và bảo đảm yêu cầu cung cấp điện ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trong tương lai, đặc biệt là các khu vực phụ tải là khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội khác. Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và bảo đảm chất lượng điện áp ở những khu vực bất lợi nhất. Những khu vực cải tạo lưới điện phù hợp với quy định của ngành về tiến trình tiêu chuẩn hóa lưới điện.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn. Thực hiện cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, kết hợp với cung cấp điện từ năng lượng tái tạo cho khu vực nông thôn, hải đảo.

c) Các dự án năng lượng

Đẩy mạnh mời gọi đầu tư các dự án nguồn điện, đường dây truyền tải, trạm thu gom chuyển đổi từ năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng

sạch, phù hợp với tiềm năng của tỉnh phục vụ cho sản xuất hydro, amoniac xanh và xuất khẩu sang các nước có nhu cầu khi được cấp thẩm quyền chấp thuận.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

Duy trì hoạt động hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng hiện tại; phát triển các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bảo đảm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Phát triển mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa, phục vụ tốt chuyển đổi số và quốc phòng - an ninh.

Ưu tiên phát triển trạm thu, phát sóng tại các khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các điểm du lịch. Phát triển hạ tầng mạng cáp viễn thông, thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông khu vực đô thị; xây dựng cột treo cáp viễn thông phù hợp với điều kiện từng khu vực.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Định hướng phân vùng sinh thái gồm 03 tiểu vùng: (i) Vùng sinh thái ngọt; (ii) Vùng sinh thái ngọt - lơ luân phiên; (iii) Vùng sinh thái mặn.

- Phân vùng thủy lợi thành 03 vùng với 33 tiểu vùng, bao gồm:

+ Vùng Bắc Cà Mau có 6 tiểu vùng và đầu tư các hạng mục: Nâng cấp hệ thống đê bao khép kín, kết hợp phát triển giao thông và bố trí dân cư; bổ sung hoàn chỉnh hệ thống công khép kín các ô bao; bổ sung hệ thống trạm bơm (cấp nước, tiêu úng); hoàn thiện dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 2.

+ Vùng Nam Cà Mau có 17 tiểu vùng, bố trí hệ thống công, đê bao khép kín để chủ động kiểm soát nguồn nước theo các tiểu vùng.

+ Vùng Năm Căn - Ngọc Hiển chia thành 10 tiểu vùng, để bảo đảm mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ sản xuất theo mô hình tôm rừng... xây dựng đê bao bảo vệ theo 10 tiểu vùng, xây dựng công trình kiểm soát nước phù hợp đối với khu dân cư và sản xuất thực tế.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Cấp nước ngọt: Tiểu vùng I, IV, V - Bắc Cà Mau được hưởng lợi của dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1. Tiểu vùng II, III - Bắc Cà Mau nguồn nước được lấy từ nước mưa và cấp bổ sung qua trạm bơm Tắc Thủ (thuộc dự án Cụm công trình Tắc Thủ và các cống ven biển Tây). Tiểu vùng VI - Bắc Cà Mau nguồn nước ngọt cho vùng được bổ sung từ kênh Chắc Băng. Các tiểu vùng Nam Cà Mau và Năm Căn - Ngọc Hiển, nước ngọt sẽ dùng chủ yếu qua nguồn nước mưa trữ được trong các tiểu vùng và bổ sung thêm một phần nước ngọt từ Hệ thống điều tiết, bổ sung nguồn nước cho các tiểu vùng I, II, III, IV - Nam Cà Mau sau khi được đầu tư.

Cấp nước mặn: Nạo vét, mở rộng các trục kênh cấp nước mặn, đầu tư thí điểm mô hình cấp nước mặn cách bờ biển khoảng 3 - 5 km, phục vụ mô hình nuôi tôm siêu thâm canh chất lượng cao.

- Mạng lưới cấp nước sinh hoạt: Nâng công suất các nhà máy nước hiện hữu, tăng cường hệ thống đường ống kết nối, đầu tư hồ chứa nước ngọt U Minh. Nghiên cứu xây dựng các tuyến ống truyền tải liên tỉnh cấp nước từ nhà máy nước vùng liên tỉnh.

6. Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

Toàn tỉnh chia làm 03 lưu vực thoát nước chính gồm:

- Lưu vực 1: Thành phố Cà Mau và huyện Thới Bình. Lưu vực này kết hợp thoát nước ra sông Trẹm (đô thị huyện Thới Bình); kênh xáng Quản Lộ - Phụng Hiệp, kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu (đô thị thành phố Cà Mau) cùng thoát chung ra sông Gành Hào đổ ra biển Đông qua cửa Gành Hào (giáp tỉnh Bạc Liêu) và thoát chung ra sông Ông Đốc đổ ra biển Tây qua cửa sông Ông Đốc, huyện Trần Văn Thời.

- Lưu vực 2: Gồm các huyện U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Cái Nước. Lưu vực này nước thoát ra hệ thống các sông: Sông Trẹm, sông Cái Tàu, sông Ông Đốc và thoát ra biển Tây.

- Lưu vực 3: Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển. Lưu vực này nước thoát ra hệ thống các sông Đầm Dơi, sông Cửa Lớn, sông Bảy Háp, sông Rạch Gốc ra biển Đông và một phần ra biển Tây.

Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống nước thải riêng cho khu vực nội thị đối với các đô thị từ loại IV trở lên; xây dựng 2 - 3 trạm xử lý nước thải theo hình thức tập trung hoặc phi tập trung với công suất hợp lý tùy vào điều kiện của từng đô thị để xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường, đặc biệt là các lưu vực sông, ven biển. Ưu tiên thực hiện xử lý nước thải đối với các khu vực, lưu vực thuộc thành phố Cà Mau, đô thị Năm Căn, đô thị Sông Đốc.

- Việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải cần hình thành cả hai hình thức xử lý nước thải tập trung và xử lý nước thải phân tán tùy theo tính chất nước thải và điều kiện tự nhiên khu vực, có xem xét đến điều kiện quản lý.

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý các khu xử lý chất thải cấp tỉnh, khu xử lý, bãi rác tại các huyện, thành phố. Đầu tư công nghệ xử lý chất thải phù hợp, hiện đại.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

b) Phương án phát triển nghĩa trang

Định hướng xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung đô thị theo quy hoạch đô thị; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị. Cải tạo, mở rộng nghĩa trang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; di dời các nghĩa trang không bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

8. Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa Rạch Gốc (cấp vùng), cửa Khánh Hội và cửa Bồ Đề; các bến cá Hòn Chuối, Cái Đồi Vàm, Rạch Tàu, Tân Thuận, Hồ Gùi, Đá Bạc, Sông Đốc, Khánh Hội, Rạch Gốc, Cái Đồi Vàm.

Phát triển các bến phao, khu neo đậu chuyên tải, tránh, trú bão tại khu vực Năm Căn, Hòn Khoai, Sông Đốc và các khu vực khác đủ điều kiện. Các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền được quy hoạch chung với một số cảng cá, hậu cần nghề cá của tỉnh.

9. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Ưu tiên bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, sân bay, cảng biển, trạm dừng chân trên đường cao tốc và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ, bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện bảo đảm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đa dạng hóa dịch vụ y tế.

Đầu tư bệnh viện tuyến cuối của trung ương tại tỉnh Cà Mau (thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục

Rà soát, sắp xếp, phát triển mạng lưới trường, lớp phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, chuẩn hóa về cơ sở vật chất theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế.

Khuyến khích, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học

Mở rộng, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập; thành lập trường đại học, các trường nghề phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Thu hút đầu tư hình thành hệ thống giáo dục chuyên biệt.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa và liên hợp thể dục - thể thao hiện đại, đa chức năng đáp ứng các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các công trình thiết chế văn hóa, thể thao; trùng tu, tôn tạo các hạng mục công trình di tích đã được công nhận cấp quốc gia, cấp tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư xây dựng các thiết chế và tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Phát triển mạng lưới chợ: Phát triển chợ đầu mối nông sản tại các vùng sản xuất tập trung; xây dựng mới, thu hút đầu tư phát triển 01 chợ đầu mối thủy sản tại Sông Đốc; duy trì, cải tạo và nâng cấp, phát triển đối với 03 chợ hạng 1 hiện hữu.

- Thu hút đầu tư, xây dựng: Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm hội chợ triển lãm tại các trung tâm đô thị của tỉnh.

- Hệ thống kho, bãi hàng hóa, trung tâm logistics: Đầu tư xây dựng tại các khu vực cảng biển; phát triển theo các tuyến hành lang kinh tế và các đường giao thông kết nối giữa các vùng sản xuất tập trung với các tuyến giao thông huyết mạch chính của tỉnh đến các trung tâm kinh tế lớn.

- Hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt:

+ Duy trì hệ thống: 05 kho dự trữ, cung ứng xăng dầu hiện có và nâng tổng sức chứa lên khoảng 10.000 m³; 03 trạm nạp, chiết LPG, với quy mô sức chứa khoảng 8.000 tấn.

+ Phát triển mới hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng đáp ứng nhu cầu của địa phương.

- Phát triển hệ thống dịch vụ sạc điện trên địa bàn tỉnh phù hợp với hệ thống giao thông đã được quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa và mở rộng quy mô cơ sở điều dưỡng người có công, các cơ sở an sinh xã hội hiện có trên địa bàn tỉnh (bảo đảm đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tâm thần, người nghiện ma túy và các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp), duy trì các cơ sở ngoài công lập hiện có.

Huy động các nguồn lực để tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ. Phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

2. Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN

1. Vùng huyện Năm Căn

Là trung tâm kinh tế phía Nam, thuộc tiểu vùng kinh tế ven biển và một trong các đô thị động lực của tỉnh; định hướng đạt tiêu chí đô thị loại III khi có đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định, là thị xã thuộc tỉnh.

Là huyện có khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp kỹ thuật cao, du lịch sinh thái và các trung tâm logistic của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Là đầu mối giao thương, vận tải hàng hải quốc gia và quốc tế của tỉnh, vùng đồng bằng sông Cửu Long thông qua Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, cảng sông Cửa Lớn gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2. Vùng huyện Trần Văn Thời

Là trung tâm kinh tế ven biển Tây, khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông thủy quốc gia thông với biển Tây; trung tâm huyện là cực phát triển đa năng, tổng hợp phía Tây kết nối vùng đô thị trung tâm thành phố Cà Mau; là vùng phát triển kinh tế biển và ven biển; vùng sản xuất lúa chất lượng cao của tỉnh.

Là huyện có tiềm năng phát triển về khai thác, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; các dịch vụ hậu cần nghề cá; bến thủy nội địa và các ngành nghề phụ trợ,

ngành nghề truyền thống khác; phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, dịch vụ, logistics; công nghiệp năng lượng tái tạo; nông nghiệp chất lượng cao; du lịch.

3. Vùng huyện Cái Nước

Thuộc vùng liên huyện, khu vực trung tâm (nội địa) thuộc phân vùng phát triển dịch vụ - đô thị - công nghiệp của tỉnh Cà Mau; là cực phát triển kinh tế công nghiệp, đô thị, dịch vụ kết nối các đô thị động lực của tỉnh.

Là huyện phát triển sản xuất nông nghiệp, trồng cây đặc sản của địa phương, nuôi trồng thủy sản tập trung; phát triển du lịch miệt vườn, tham quan di tích lịch sử, phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch.

4. Vùng huyện Đầm Dơi:

Là huyện ven biển Đông, thuộc vùng kinh tế biển và ven biển phía Đông của tỉnh, vùng trọng điểm về nuôi trồng thủy sản của tỉnh. Là huyện có tiềm năng phát triển khai thác, đánh bắt thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, bến thủy nội địa và các ngành nghề phụ trợ, ngành nghề truyền thống khác; phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, dịch vụ, trung tâm logistics; phát triển năng lượng tái tạo; phát triển du lịch với các loại hình: du lịch sinh thái, du lịch biển, du lịch gắn với sản xuất làng nghề truyền thống, du lịch văn hóa - lịch sử.

5. Vùng huyện Phú Tân:

Là vùng phát triển kinh tế biển phía Tây của tỉnh, khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông thủy quốc gia với biển Tây. Là trung tâm đánh bắt, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá.

Phát triển các ngành nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, các ngành công nghiệp phụ trợ (nước đá, lưới...), các ngành nghề truyền thống; phát triển nguồn năng lượng tái tạo.

Phát triển chuỗi du lịch sinh thái Đầm Thị Tường gắn liền với di tích Căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Đước và Di tích Hải Yến - Bình Hưng; du lịch cộng đồng theo rừng ngập mặn ven biển.

6. Vùng huyện Ngọc Hiển

Là huyện cực Nam của đất nước, thuộc vùng kinh tế biển và ven biển của tỉnh Cà Mau, vùng trọng điểm về kinh tế thủy sản. Là huyện phát triển dịch vụ du lịch sinh thái trong môi trường rừng ngập mặn thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau và khai thác lâm sản thông qua đất rừng trồng; phát triển năng lượng tái tạo.

Cụm đảo Hòn Khoai được đánh giá là tiềm năng để xây dựng cảng trung chuyển thuộc nhóm cảng biển khu vực đồng bằng sông Cửu Long, có vị trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng.

7. Vùng huyện Thới Bình

Là khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông quan trọng phía Bắc tỉnh Cà Mau với các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu. Là một trong những khu vực canh tác nông nghiệp của tỉnh.

Là huyện có vị trí tiếp giáp với nhiều địa phương ngoài tỉnh, huyện Thới Bình đóng vai trò là địa phương cửa ngõ kết nối tỉnh Cà Mau với các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Là một trong những khu vực trồng lúa, hoa màu và nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

8. Vùng huyện U Minh

Là một trong những huyện thuộc vùng kinh tế biển và ven biển phía Tây; vùng trọng điểm du lịch phía Bắc của tỉnh, vùng sinh thái nông nghiệp, thủy sản, vùng bảo tồn, bảo vệ rừng, nguồn nước và đa dạng sinh học; cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông quan trọng với tỉnh Kiên Giang; khu vực phát triển công nghiệp trọng điểm của tỉnh gắn với khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm, Khu công nghiệp Khánh An.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: khu dân cư tập trung ở đô thị (nội thành, nội thị các đô thị loại I, loại II, loại III trên địa bàn tỉnh); phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, khu bảo tồn biển; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; khu vực bảo vệ I của các di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh; các vùng bảo vệ nghiêm ngặt khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt (khu vực ngoại thành, ngoại thị của các đô thị từ loại III trở lên, phân khu dịch vụ - hành chính và vùng đệm của các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, khu bảo tồn biển; khu vực bảo vệ II của các di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh; diện tích đất rừng phòng hộ ven biển); các vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định; khu dân cư tập trung nội thị của các đô thị loại IV, loại V; các hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; các vùng hạn chế phát thải khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Vùng khác: Các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh, nằm ngoài các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Quy hoạch, thành lập mới các khu bảo tồn: Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Thị Tường, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Sân chim Đầm Dơi, Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau; chuyển tiếp các đối tượng bảo tồn đã được thành lập: Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Khu Rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cụm đảo Hòn Khoai - Hòn Chuối, các vùng đất ngập nước quan trọng. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái; bảo vệ các loài hoang dã nguy cấp, bảo tồn đa dạng loài và nguồn gen; bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát có hiệu quả các loài ngoại lai xâm hại.

- Tạo sinh kế bền vững cho người dân sinh sống trong vùng đệm các khu bảo tồn. Nâng cao năng lực các ban quản lý khu bảo tồn, lực lượng kiểm lâm. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác bảo tồn và sử dụng bền vững thiên nhiên và đa dạng sinh học.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

- Từng bước xây dựng, hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới quan trắc môi trường địa phương. Đầu tư nguồn lực nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ và nhân lực nhằm nâng cao chất lượng công tác quan trắc tài nguyên và môi trường bảo đảm cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Số lượng điểm quan trắc, vị trí điểm quan trắc, thông số môi trường quan trắc do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường địa phương theo từng giai đoạn.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt trên 27% (trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 18,5%) đến năm 2030. Áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chứng nhận quản lý rừng bền vững, tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi các sản phẩm gỗ để nâng cao hiệu quả, giá trị kinh tế lâm nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng trong các khu bảo tồn; bảo tồn các hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, duy trì các diễn thế tự nhiên trên diện tích rừng đặc dụng. Bảo vệ, củng cố chức năng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả

năng thích ứng với biến đổi khí hậu và sử dụng bền vững diện tích rừng phòng hộ.

- Xây dựng công trình phá sóng, tạo bãi khô phục rừng phòng hộ ven sông, ven biển. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện tốt công tác phòng cháy và chữa cháy rừng. Xúc tiến thực hiện các dự án di dời, bố trí lại dân cư vùng sạt lở vào khu vực an toàn.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở hạ tầng phục vụ phòng, chống cháy rừng đáp ứng nhu cầu bảo vệ và phát triển rừng.

- Kết hợp bảo vệ, phát triển rừng với phát triển dịch vụ du lịch; thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, cho thuê môi trường rừng; tích cực, chủ động tham gia thị trường các-bon.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Rà soát các khu vực khoáng sản trên địa bàn các huyện, thành phố nếu đủ điều kiện cấp phép thăm dò, khai thác thì bổ sung vào phương án thăm dò, khai thác khoáng sản khi có nhu cầu và phù hợp với quy định pháp luật. Tiếp tục thăm dò các điểm khoáng sản có triển vọng thuộc khu vực công bố khoáng sản của cấp có thẩm quyền.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước

- Nghiên cứu bổ sung các công trình tích trữ nước, điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước. Các khu tích, trữ nước bảo đảm các tiêu chí có không gian phù hợp, có khả năng dẫn nước đến các khu vực cần cấp nước, hiệu quả về kinh tế, không gây tù đọng, ô nhiễm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường xung quanh, ưu tiên tích trữ nước tại các khu vực khan hiếm nước ngọt.

- Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước tập trung, hiệu quả phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Xây dựng và duy trì mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước, thực hiện việc giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên sông, tầng chứa nước, ưu tiên cho vùng sinh thái lợ để giám sát sự dịch chuyển của ranh mặn.

- Tổ chức giám sát các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện các phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước theo quy định; chủ động đóng mở kênh trữ bảo đảm việc trữ nước, tránh ứ đọng gây ô nhiễm nguồn nước.

- Tổ chức đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các nguồn nước nội tỉnh, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thu gom, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông, phù hợp chức năng nguồn nước, bảo đảm chất lượng nước theo quy định; lập, điều chỉnh quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước, ban hành danh mục các hồ, ao không được san lấp trên địa bàn thuộc thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

b) Phương án phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; triển khai các biện pháp bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, các giải pháp phòng, chống úng, ngập đô thị, nông thôn theo quy định; thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Nâng cao năng lực, khả năng chống chịu thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng và của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng biến đổi khí hậu. Giảm thiểu rủi ro thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu gây ra, nhất là xâm nhập mặn, sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đầu tư cho hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai đi đôi với xây dựng các mô hình kinh tế mới thích ứng với biến đổi khí hậu tại các khu vực chịu tác động mạnh của thiên tai, biến đổi khí hậu vùng ven biển. Tiếp tục đầu tư xây dựng, củng cố, nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển, xây dựng kè chắn sóng để hạn chế xói lở bờ biển, bờ sông ở các khu vực nguy hiểm, xung yếu.

b) Phương án phát triển hệ thống đê điều

Đầu tư hoàn thiện hệ thống đê biển Đông, nâng cấp hệ thống đê biển Tây và các đoạn đê sông xung yếu, xây dựng các công trình bảo vệ bờ tại các vị trí sạt lở.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát

triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức đấu giá quỹ nhà, đất công để bổ sung nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Khai thác quỹ đất vùng phụ cận các hành lang kinh tế để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu ban hành quy định cơ chế huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực. Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động.

Chú trọng hơn nữa đào tạo các ngành nghề mới, tiềm năng, đầu tư cho các nhóm nghiên cứu sâu về các lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, số hóa, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học và sự tích hợp giữa chúng.

Tập trung nguồn lực xây dựng mở rộng các cơ sở đào tạo, dạy nghề chất lượng cao, tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất

sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên đối với các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học giữa các khu vực giáp ranh; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các nông sản, thủy sản chủ lực của tỉnh.

Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp và người dân vào xây dựng chính quyền; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực đề xuất cấp thẩm quyền ban hành để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển khu vực động lực và sự liên kết giữa khu vực động lực với các khu vực phụ trợ.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển đô thị và nông thôn để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền.

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện chất lượng dịch vụ xã hội ở khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng sống; chăm lo đời sống tại các vùng nông thôn, giảm di dân, góp phần ổn định xã hội và giảm nghèo.

6. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

a) Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

b) Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật liên quan, bảo đảm đồng bộ.

c) Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch trong kế hoạch 5 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

XIII. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Hệ thống sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có trách nhiệm:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện quản lý Quy hoạch tỉnh; hướng dẫn, kiểm soát, phân công, phân cấp, điều phối bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong thực hiện và quản lý quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển tỉnh Cà Mau và quy định pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện

quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong trường hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục dự án dự kiến ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch có liên quan (nếu có). Đối với các dự án, công trình đang được rà soát theo Kết luận của thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) thì chỉ được triển khai, thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận của thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, thực tiễn phát triển tỉnh Cà Mau và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với các dự án dự kiến đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định có liên quan.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, cơ sở dữ liệu, các Phụ lục (kèm theo Quyết định này), các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến tham gia góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan và hệ thống bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ cam kết nêu tại công văn số 8572/UBND-TH ngày 26

tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của đất nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2). Huyện

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà